

Số: 36/2020/QĐST-HNGĐ

Ba Bể, ngày 05 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2020/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1987

* Bị đơn: Anh **Hoàng Thanh G**, sinh năm 1981

Đều trú tại: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C. Địa chỉ: 169 L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Việt C** – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Thanh G. Điều trú tại: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Thanh G thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Thanh G có 02 con chung tên là Hoàng Thế A, sinh ngày 26/8/2008 và Hoàng Nông Đ, sinh ngày 20/7/2015. Các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Thanh G thỏa thuận, thống nhất sau khi ly hôn, giao các con chung cho anh Hoàng Thanh G trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi.

* *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Thanh G thỏa thuận thống nhất, chị Hoàng Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể: mỗi người con là 1.000.000^d (Một triệu đồng)/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Việc thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định. Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung*: Chị Hoàng Thị H và Anh Hoàng Thanh G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

* *Về nợ chung*: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Thanh G và người đại diện hợp pháp của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B, tỉnh Bắc Kạn thỏa thuận thống nhất: Chị Hoàng Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền nợ gốc là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh của khoản vay khi đến thời hạn thanh toán theo sổ vay vốn với mã món vay: 6600000706594773; Chương trình vay: Cho vay hộ nghèo; Dư nợ: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Hạn cuối trả nợ: 13/02/2021; Lãi suất cho vay: 6,6%/năm (0,55%/ tháng).

* *Về án phí*: Chị Hoàng Thị H phải chịu 75.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Hoàng Thanh G phải chịu 75.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận chị Hoàng Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03758 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị Hoàng Thị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

****Nơi nhận:***

- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (1b);
- Viện kiểm sát huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã Dương Sơn, huyện N (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Thế Hùng